

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Vương Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Kim Liên và ông Nguyễn Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: bà Nguyễn Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nông Thị Q, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: thôn 8, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: anh Lã Văn L, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: thôn 8, xã M, huyện H, Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Q trình bày: chị và anh Lã Văn L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình anh L ở thôn 8, xã M, huyện H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã khiến vợ chồng ngày càng xa cách, không còn tình cảm. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lã Văn L.

Về con chung: quá trình chung sống, chị và anh L có 02 con chung là Lã Triệu K, sinh ngày 06/6/2015 và Lã Triệu V, sinh ngày 13/11/2018. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 02

con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và khoản nợ chung: chị và anh L không có tài sản và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lã Văn L: quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu anh L cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân, quan điểm trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, anh L không đến Tòa án cũng như không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào về các yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại thôn 8, xã M, huyện H về tình trạng hôn nhân của chị Q, anh L và được ông Bùi Xuân C – Trưởng thôn 8, xã M cung cấp thông tin: chị Q và anh L sau khi kết hôn chung sống với nhau tại nhà anh L ở thôn 8, xã M, huyện H. Sau một thời gian chung sống, hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị Q cùng các con đã về nhà bố mẹ đẻ, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, chị Nông Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lã Văn L và nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không có khoản nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Thông báo thụ lý, Kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn về cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: qua xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ kết hợp với việc hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nông Thị Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lã Văn L. Anh L có hộ khẩu thường trú và

hiện tại đang cư trú tại thôn 8, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lã Văn L đã được triệu tập hợp lệ hai lần, tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Q về hôn nhân: chị Q và anh L tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 đăng ký ngày 26/02/2015 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp, nên hôn nhân giữa chị Q và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh L vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa và không có quan điểm về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Q xác định không còn tình cảm gì với anh L, hai bên đã sống ly thân và chị Q cương quyết ly hôn. Kết quả xác minh tại nơi cư trú cũng cho thấy chị Q và anh L có mâu thuẫn sau một thời gian chung sống, hiện đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Q và anh L là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị Q cương quyết ly hôn với anh L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời gian chung sống, chị Q và anh L có 02 con chung là Lã Triệu K, sinh ngày 06/6/2015 và Lã Triệu V, sinh ngày 13/11/2018. Tại phiên tòa, chị Q trình bày: hiện tại hai cháu K và V còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên chị mong muốn được nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh L mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án, không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Q hiện đang làm công nhân, công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung được phát triển toàn diện về mọi mặt. Hơn nữa, cháu Lã Triệu K đã trên 07 tuổi, cháu có lời khai cho biết nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Để bảo vệ và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, để chị được nuôi dưỡng hai cháu K và V đến tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Q không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, dành cho hai bên đương sự quyền khởi kiện vụ án dân sự khi một trong hai bên có yêu cầu.

[6] Về án phí: chị Nông Thị Q phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Q về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Lã Văn L.

1/. Về hôn nhân: chị Nông Thị Q được ly hôn với anh Lã Văn L.

2./ Về con chung: chị Nông Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lã Triệu K, sinh ngày 06/6/2015 và Lã Triệu V, sinh ngày 13/11/2018 kể từ tháng 02/2023 cho đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lã Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/. Về án phí: chị Nông Thị Q có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013602 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày

tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Thị Thanh